

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:39/2025/DS-ST
Ngày:27-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Nay

- Bà Kim Thị Sà Mết

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “hợp đồng đặt cọc”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Đồng nguyên đơn:** Ông Võ Minh T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp D, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Võ Minh T và bà Nguyễn Thị Q: Ông Trần Phước T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- **Đồng bị đơn:** Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1978 và bà Huỳnh Thu H, sinh năm 1979 (tên gọi khác Huỳnh Thị N). Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, đồng nguyên đơn ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị Q và người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Q là ông Trần Phước T1 trình bày:

Ông T và bà Q là người mua lúa từ địa phương khác đến xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu để mua lúa. Ngày 07/12/2024, giữa ông T với ông T2 có thỏa thuận mua bán lúa với nội dung như sau: Ông T đặt cọc cho ông T2 để mua lúa của ông T2. Tiền đặt cọc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Số lúa hứa mua bán: 250 tấn, giá lúa 7600 đồng/kg.

Thời hạn giao lúa: Ngày 13, 14 và 15 tháng 12 (âm lịch). Giao kèo: “*Ngày 13, 14 và 15 nhận lúa đủ 250 tấn nếu anh T2 không giao đủ thì của một thén hai*”, tức là phạt cọc bằng số tiền cọc. Khi cân lúa thì cứ 01 tấn trừ vào tiền cọc 500.000 đồng. Ngày 10/01/2025 (dương lịch) nhằm ngày 11/12/2024 (âm lịch) ông T2 giao cho ông T, bà Q được 8.618 kg lúa; Ngày 11/01/2025 (dương lịch) nhằm ngày 12/12/2024 (âm lịch) ông T2 giao cho ông T, bà Q được 43.091 kg lúa. Ngày 12/01/2025 (dương lịch), sau khi cân được 51.709 kg lúa, trừ cọc được 25.854.000 đồng, ông T2 với ông T thỏa thuận ký lại biên nhận hợp đồng đặt cọc bổ sung, xác nhận còn lại số tiền cọc là 94.146.000 đồng và thỏa thuận lại hợp đồng bổ sung như sau: Nhận lúa từ 12/01/2025 đến 14/01/2025 (dương lịch); Số lượng lúa: 200 tấn. Khu vực nhận lúa: xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Giá lúa: 7600 đồng/kg. Nếu bên bán là ông Đặng Văn T2 không giao đúng số lúa là 200 tấn theo hợp đồng thì bồi thường gấp 02 lần tiền đặt cọc. Trường hợp ghe xuống nhận lúa mà không có lúa thì bồi thường 5.000.000 đồng/ghe.

Hiện tại ông T, bà Q đưa xuống 04 chiếc ghe đậu chờ nhưng ông T2 cũng không có lúa giao, số lúa ông T, bà Q đã cân được hiện còn bị gia đình ông T2 giữ lại đậu tại bến khoảng hơn 20 tấn. Ông T2 vi phạm hợp đồng, không gặp ông T, bà Q để thỏa thuận hay giải quyết hậu quả, gọi điện thoại không nghe, cha ông T2 thì giữ ghe lúa không cho ông T, bà Q rời bến. Số tiền mua lúa là tài sản chung vợ chồng ông T, bà Q. Ông T2 mua bán lúa phục vụ kinh tế gia đình nên ông T, bà Q xác định là nghĩa vụ chung của ông T2 với bà H (Nương).

Nay ông T, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T2 và bà H (N) phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Q số tiền cọc 94.146.000 đồng; phạt cọc 94.146.00 đồng; bồi thường tiền vận chuyển là 03 chiếc ghe x 5.000.000 đồng/chiếc = 15.000.000 đồng.

Đồng bị đơn ông Đặng Văn T2 trình bày như sau: Vào tháng 12 năm 2024 ông T2 bắt đầu làm ăn với ông T, bà Q. Ông T2 canh tác ruộng, tranh thủ thời gian làm thêm nghề cò lúa. Cụ thể, ông T2 tìm nguồn lúa trong các hộ dân để giới thiệu cho người có nhu cầu mua lúa. Cụ thể ông T2 hưởng phần chênh lệch từ chủ mua lúa và hộ dân có nhu cầu bán lúa cho ông T2. Ví dụ: Ông T2 bán cho chủ ghe là ông T, bà Q 7.600 đồng/kg giao lúa xuống tới ghe (ông T2 chịu chi phí bốc vác, vận chuyển lúa xuống tới ghe của ông T); ông T2 mua trong dân dao động từ 6.700 đồng, có khi 6.300 đồng/kg, từ đó ông T2 hưởng phần chênh lệch. Cụ thể, ngày 07/12/2024, ông T đặt cọc cho ông T2 số tiền 120.000.000 đồng, thỏa thuận ông T2 giao cho ông T 250 tấn lúa Đài Thơm 8, hai bên thỏa thuận ngày giao lúa là ngày 13, 14, 15 tháng 12 năm 2024 âm lịch. Nếu đến hạn ông T2 không giao đủ lúa, bồi thường cọc gấp đôi. Thực tế ông T2 đã nhận đủ 120.000.000 đồng từ ông T. Khi thỏa thuận đặt cọc với nội dung trên, có lập biên nhận ngày 07/12/2024, ông T2 có ký tên vào biên nhận này.

Trong quá trình giao dịch, không có thỏa thuận bãi giao lúa, chỉ thỏa thuận giao lúa trong khu vực xã V. Trước ngày 13 tháng 12 năm 2024 âm lịch, ông T2 có giao cho ông T 51 tấn lúa Đài Thơm 8, cụ thể ngày nào không nhớ. Ông T cũng đồng ý nhận lúa trước ngày thỏa thuận trong hợp đồng. Khi ông T nhận 51 tấn lúa ông T không trả tiền cho hộ dân, người dân giữ ghe lại 03 ngày, trong 03 ngày này ông T2 có báo với địa phương; Ngày

12/01/2025 (dương lịch), ông T2 với ông T, bà Q thỏa thuận ký lại hợp đồng đặt cọc, giá trị 94.146.000 đồng, số lúa ông T2 phải giao 200 tấn, khu vực giao lúa xã V, giá lúa 7.600.000 đồng/kg; khi thanh toán tiền lúa, bên mua có quyền trừ tiền cọc 500.000 đồng/tấn. Hai bên thỏa thuận ngày giao lúa từ ngày 12, 13, 14 tháng 01 năm 2025 (dương lịch). Hợp đồng đặt cọc ngày 12/01/2025, ông T2 không có nhận thêm số tiền cọc 94.146.000 đồng, do hợp đồng này thay thế hợp đồng ngày 07/12/2024 (âm lịch), số tiền 94.146.000 đồng này là giá trị một phần của hợp đồng đặt cọc ngày 07/12/2024 (âm lịch). Vào ngày 12/01/2025 (dương lịch) ông T2 giao lúa cho bà Q, ông T nhưng bà Q và ông T không nhận. Lý do: Con bà Q nói là không có tiền, không nhận lúa, việc chỉ nói miệng, ông T2 không có báo với chính quyền địa phương để lập biên bản. Thực tế, con bà Q có xuống nhận lúa vào ngày 13, 14 tháng 01 năm 2025 nhưng ông T2 không giao lúa, do bà Q, ông T không thực hiện hợp đồng đã thỏa thuận nhận lúa ngày 12/01/2025 dương lịch. Ông T2 với vợ ông T2 là bà Huỳnh Thu H chung sống với nhau, làm kinh tế chung, có đăng ký kết hôn khoảng 24 năm nay. Hiện ông T2 và bà H vẫn sống chung với nhau tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Ông T2 và bà H làm ruộng, đến mùa thu hoạch lúa, ông T2 tranh thủ làm thêm nghề cò lúa. Thu nhập có được, ông T2 và bà H cũng lo cho các con và chi sài trong gia đình.

Nay ông T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Q, ông T. Vì ông T, bà Q vi phạm hợp đồng nên mất cọc. Riêng tiền vận chuyển ghe, khi bà Q và ông T điện cho ông T2, ông T2 đã không đồng ý giao lúa. Vì vậy, tự bà Q, ông T vận chuyển ghe xuống V thì bà Q, ông T tự chịu thiệt hại.

Đồng bị đơn bà Huỳnh Thu H (tên gọi khác Huỳnh Thị N) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2025 như sau: Bà là vợ ông T2, có đăng ký kết hôn, hiện vẫn sống chung nhà và làm kinh tế chung. Ông T2 làm nghề cò lúa, thu nhập có được cũng lo cho gia đình. Tuy nhiên, việc làm cò lúa của ông T2, bà H hoàn toàn không biết. Bà H có nhận tiền cọc lúa của ông T2 số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận ngày 13/12/2024 (âm lịch) bà H cắt lúa và đến ngày 14/12/2024 (âm lịch) bà H giao lúa. Tuy nhiên đến ngày 14/12/2024 (âm lịch) không ai đến lấy lúa, vì vậy bà H bán lúa cho người khác và tiền cọc thuộc về bà H. Ngoài ra bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án.

Về tố tụng: Nguyên đơn ông T, bà Q và người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Q là ông Trần Phước T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, ông Võ Minh T đối với ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H về tranh chấp hợp đồng đặt cọc lúa; buộc ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Q, ông Võ Minh T số tiền 133.956.000 đồng, trong đó tiền cọc là 66.978.000 đồng, tiền phạt cọc 66.978.000 đồng

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, ông Võ Minh T về việc yêu cầu ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H trả tiền phạt cọc 27.168.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, ông Võ Minh T về việc yêu cầu ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H trả số tiền cọc 27.168.000 đồng, bồi thường chi phí vận chuyển ghe 15.000.000 đồng do ông T, bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 15 tháng 01 năm 2025, ông T, bà Q nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng đặt cọc lúa với bị đơn ông Đặng Văn T2 và bà Huỳnh Thu H. Khi khởi kiện ông T2 và bà H cư trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đồng bị đơn ông Đặng Văn T2 và bà Huỳnh Thu H đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Đặng Văn T2 và bà Huỳnh Thu H theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Đơn khởi kiện, ông T, bà Q yêu cầu ông T2, bà H trả tiền cọc 94.146.000 đồng, tiền phạt cọc 94.146.000 đồng, tiền vận chuyển ghe lấy lúa mà ông T2 không giao lúa 15.000.000 đồng/3 chiếc (chi phí vận chuyển mỗi chiếc ghe là 5.000.000 đồng). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Q là ông Trần Phước T1 yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán số tiền cọc 27.168.000 đồng và số tiền bồi thường chi phí vận chuyển ghe 15.000.000 đồng. Lý do, vào ngày 15 tháng 01 năm 2025, ông T2 đã trả số tiền cọc 27.168.000 đồng (hình thức trả là ông T2 đồng ý trừ số tiền ông T2 bán lúa cho ông T 27.168.000 đồng vào ngày 10 và ngày 11 tháng 01 năm 2025 (dương lịch)). Chứng cứ tiền vận chuyển ghe tại thời điểm này ông T, bà Q chưa chứng minh được, khi nào ông T, bà Q có đủ chứng cứ, cần thiết sẽ khởi kiện ở vụ án khác.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T, bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông T2, bà H về việc thanh toán số tiền vận chuyển ghe 15.000.000 đồng/3 chiếc, tiền cọc lúa 27.168.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần ghi nhận và đình chỉ.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, bà Q về việc yêu cầu ông Đặng Văn T2 và bà Huỳnh Thu H có trách nhiệm thanh toán số tiền cọc lúa 66.978.000 đồng, tiền phạt cọc 94.146.000 đồng.

[3.1]. Căn cứ lời khai của đồng bị đơn ông Đặng Văn T2 và bà Huỳnh Thu H, căn cứ vào các biên nhận đặt cọc lúa ngày 07/12/2024 (âm lịch) và ngày 12/01/2025 (dương lịch), phía ông T2 thừa nhận có ký tên vào 02 biên nhận nêu trên. Đây là tình tiết, sự kiện rõ ràng được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó có cơ sở kết luận giữa ông T, bà Q với ông T2 có xảy ra giao dịch đặt cọc mua bán lúa.

[3.2]. Quá trình làm việc tại Tòa án, ông T2, bà Q và ông T đều thừa nhận, vào ngày 07/12/2024 (âm lịch), ông T2, bà Q và ông T đã ký hợp đồng đặt cọc lúa với nội dung: Ông T, bà Q giao cho ông T2 số tiền cọc lúa 120.000.000 đồng, ông T2 có trách nhiệm giao 250 tấn lúa Đài Thơm 8, giá 7.600 đồng/kg lọt lòng ghe lúa, ngày giao lúa là ngày 13, 14, 15 tháng 12 năm 2024 (âm lịch). Tuy nhiên, vào ngày 11 và ngày 12 tháng 12 năm 2024 (âm lịch), ông T2 đã giao cho ông T và bà Q 51.709kg lúa và thống nhất trừ số tiền 25.854.000 đồng vào số tiền cọc 120.000.000 đồng mà ông T, bà Q đã giao cho ông T2 ngày 07/12/2024 (âm lịch); mặc dù ông T2 giao lúa trước ngày thỏa thuận theo hợp đồng đặt cọc nhưng ông T và bà Q cũng đồng ý nhận lúa.

Theo ông T xác định, vào ngày 12 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) nhằm ngày 13 tháng 12 năm 2024 (âm lịch) ông T2 không giao lúa đúng thỏa thuận nên vợ chồng ông T, bà Q đến Công an xã V trình báo sự việc. Ông Trần Kiến T3 Phó Công an xã V có cùng ông T3, bà Q đến nhà ông T2 thì ông T2 xác định chưa đến ngày giao lúa, vì ngày giao lúa là ngày 13, 14, 15 tháng 12 năm 2024 (âm lịch). Do vậy phía Công an xã V vận động hai bên lập lại hợp đồng đặt cọc ngày 12 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) cũng nhằm ngày 13 tháng 12 năm 2024 (âm lịch). Tại hợp đồng đặt cọc ngày 12 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) nhằm ngày 13 tháng 12 năm 2024 (âm lịch), thỏa thuận: Ông T2 có trách nhiệm giao 200 tấn cho ông T3, bà Q, khu vực xã V, giá lúa 7.600.000 đồng/kg. Hai bên thỏa thuận ngày giao lúa từ ngày 12, 13, 14 tháng 01 năm 2025 (dương lịch). Tuy nhiên, ngày 12 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) ông T2 không giao lúa. Phía ông T2 xác định, ông T3 không đồng ý nhận lúa do không có tiền.

[3.3]. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của ông T2 là không có cơ sở chấp nhận. Bởi ông T2 cho rằng ông T3 không nhận lúa với lý do không có tiền, trong khi ngay ngày 12 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) ông T3, bà Q đến Công an xã V trình báo sự việc ông T2 không giao lúa theo hợp đồng đã ký kết, điều này phù hợp lời khai ông Trần Kiến T3 phó Công an xã V xác định sáng ngày ngày 12 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) vợ chồng ông T3 có đến Công an xã V trình báo sự việc ông T2 không giao lúa và ngày 12/01/2025 (dương lịch) cũng chính là ngày 13 tháng 12 năm 2024 (âm lịch) mà ông T3, ông T2 thỏa thuận ngày giao lúa. Ông T2 cho rằng ông T3 không nhận lúa do không có tiền. Trong khi vào ngày 15 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) ông T3, bà Q có thanh toán cho ông Đặng Văn N1 (cha ông T2) số tiền bán lúa là 59.167.000 đồng theo biên nhận ngày ngày 15 tháng 01 năm 2025 (dương lịch). Từ đó cho thấy ông T2 đã vi phạm việc thỏa thuận giao lúa, cụ thể ngày 12/01/2025 (dương lịch) nhằm ngày 13 tháng 12 năm 2024 (âm lịch) ông T2 không giao lúa cho ông T3 chứ không phải ông T3 từ chối nhận lúa.

[3.4]. Ngoài ra, ông T2 xác định do ngày 11 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) ông T3, bà Q không nhận lúa nên ông T3, bà Q đã vi phạm hợp đồng, do đó mặc nhiên ngày 13, ngày 14 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) ông T2 không giao lúa cho ông T3, bà Q mặc dù có lúa. Bản thân bà H vợ ông T2 xác định vào ngày 14 tháng 12 năm 2024 (âm lịch) bà đã cắt lúa và đem lúa vào nhà nhưng không ai lại lấy lúa nên bà đã bán lúa cho người khác, tiền cọc bà nhận 10.000.000 đồng từ ông T2 thuộc về bà. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông T2 là không thể chấp nhận. Bởi hợp đồng đặt cọc ngày 12 tháng 01 năm 2025 dương

lịch không có thỏa thuận như ông T2 trình bày. Theo hợp đồng thỏa thuận, ngày giao lúa là ngày 12, ngày 13 và ngày 14 tháng 01 năm 2025 (dương lịch), ông T2 có trách nhiệm giao 200 tấn lúa Đài Thơm 8 cho ông T3, điều đó có nghĩa miễn sao trong 3 ngày đó (ngày 12, 13, 14 tháng 01 năm 2025 dương lịch) ông T2 giao đủ số lúa theo thỏa thuận hợp đồng.

Đến ngày 15 tháng 01 năm 2025 ông T2 đồng ý trừ số tiền 27.168.000 đồng mà ông T2, bà H bán lúa cho ông T3, bà Q vào ngày 11 tháng 01 năm 2025 dương lịch vào số tiền cọc lúa 94.146.000 đồng. Như vậy số tiền cọc lúa còn lại sau ngày thỏa thuận giao lúa là 66.978.000 đồng. Từ các vấn đề phân tích nêu trên, do ông T2 vi phạm hợp đồng đặt cọc nên ông T2 có trách nhiệm trả tiền cọc còn lại cho ông T3, bà Q với số tiền 66.978.000 đồng.

[3.5]. Xét yêu cầu phạt cọc: Ông T3, bà Q yêu cầu ông T2, bà H trả tiền phạt cọc 94.146.000 đồng:

Hội đồng xét xử thấy rằng, sau ngày thỏa thuận hợp đồng đặt cọc (ngày thỏa thuận cọc là ngày 12, ngày 13 và ngày 14 tháng 01 năm 2025 dương lịch), cụ thể vào ngày 15 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) ông T2 đồng ý trừ số tiền lúa mà ông T2 và bà H đã bán cho ông T3 ngày 10 và ngày 11 tháng 01 năm 2025 (dương lịch). Như vậy cho thấy, việc ông T2 đồng ý trừ tiền bán lúa vào tiền cọc là sau ngày thỏa thuận giao lúa của hợp đồng đặt cọc ngày 12/01/2025 (dương lịch), tức là ông T2 đã vi phạm hợp đồng đặt cọc ngày 12 tháng 01 năm 2025 (dương lịch), lỗi hoàn toàn thuộc về ông T2. Do đó, ông T2 phải chịu trách nhiệm phạt cọc trên số tiền cọc thỏa thuận là 94.146.000 đồng theo quy định tại Điều 328 Bộ luật dân sự.

[3.6]. Ông T2 xác định việc giao dịch cọc lúa của ông T3, bà Q với ông T2, phía bà H không biết. Tuy nhiên, bà H và ông T2 đều thống nhất xác định, ông T2 và bà H sống chung với nhau hơn 24 năm nay, có đăng ký kết hôn; hiện vẫn sống chung và làm kinh tế chung, thu lợi từ việc làm cò lúa, ông T2 cũng lo cho các con và chi phí sinh hoạt gia đình. Từ đó có cơ sở xác định số tiền 161.124.000 đồng (trong đó tiền cọc 66.978.000 đồng, tiền phạt cọc 94.146.000 đồng) là nợ chung của ông T2, bà H. Cần buộc ông T2, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 161.124.000 đồng (trong đó tiền cọc 66.978.000 đồng, tiền phạt cọc 94.146.000 đồng) cho ông T3, bà Q.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (tranh chấp hợp đồng) với số tiền 300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện về hợp đồng đặt cọc của ông T3, bà Q được chấp nhận nên ông T2, bà H phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng.

[4.2]. Án phí dân sự có giá ngạch: Do yêu cầu phạt cọc của ông T3, bà Q được chấp nhận nên ông T2, bà H phải chịu số tiền án phí 4.707.300 đồng.

Tổng số tiền án phí ông T2, bà H phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi là 5.007.300 đồng. Ông T3, bà Q không phải chịu án phí, ông T3, bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.728.650 đồng theo Biên lai số 0004583 ngày 03 tháng 02 năm 2025 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[5]. Từ những phân tích trên chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi về việc buộc ông T2, bà H trả cho ông T3, bà Q số tiền cọc 66.978.000 đồng; không chấp nhận đề nghị buộc ông T2, bà H trả cho ông T3, bà Q số tiền phạt cọc 66.978.000 đồng mà cần buộc ông T2, bà Q thanh toán số tiền phạt cọc 94.146.000 đồng. Bởi như đã phân tích, hết ngày 14 tháng 01 năm 2025 (dương lịch) là hết thời hạn thỏa thuận việc giao nhận lúa và trách nhiệm của việc nếu ai không thực hiện đúng thỏa thuận. Do đó, đến ngày 15 tháng 01 năm 2025 (dương lịch), ông T2 mới thanh toán cho ông T3, bà Q số tiền cọc 27.168.000 đồng. Vì vậy, ông T2, bà H phải chịu số tiền phạt cọc từ thời điểm vi phạm với số tiền phạt cọc 94.146.000 đồng. Các đề xuất còn lại của đại diện Viện kiểm sát được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị Q đối với ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H (tên gọi khác Huỳnh Thị N) về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán lúa.

2. Buộc ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H (tên gọi khác Huỳnh Thị N) có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị Q tổng số tiền 161.124.000 đồng (trong đó tiền cọc lúa 66.978.000 đồng, tiền phạt cọc 94.146.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị Q đối với ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H (tên gọi khác Huỳnh Thị N) về việc thanh toán tiền cọc mua lúa 27.168.000 đồng, tiền chi phí vận chuyển ghe 15.000.000 đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh T, bà Nguyễn Thị Q đối với ông Đặng Văn T2, bà Huỳnh Thu H (tên gọi khác Huỳnh Thị N) về việc thanh toán tiền cọc mua lúa 27.168.000 đồng, tiền chi phí vận chuyển ghe 15.000.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T2, bà H phải chịu tổng số tiền án phí 5.007.300 đồng (trong đó án phí không có giá ngạch 300.000 đồng, án phí có giá ngạch là 4.707.300 đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

Ông T, bà Q không phải chịu án phí, ông T, bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.728.650 đồng theo Biên lai số 0004583 ngày 03 tháng 02 năm 2025 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi